

Tham luận .

ĐỂ HẠ GIẢM TỘI PHẠM .

PHAN NGHĨA .

Khi đã có xã hội thì phải có luật pháp (Ubisocietas - Ibijust) . Luật pháp dùng để qui định những khuôn khổ , chiều hướng mà người dân trong cộng đồng phải tuân theo , khi vi phạm người phạm lỗi phải chịu một hình phạt do xã hội qui định . Tùy theo hình thái văn minh xã hội đã trải qua , qui tắc và hình phạt xã hội qui định để bảo vệ sự tồn sinh của cộng đồng cũng biến dạng theo .

Trước kia ở Đông phương cũng như ở Tây phương người ta còn lẫn lộn giữa hai ý niệm về “ trách nhiệm dân sự “ (responsabilité civile) và “ trách nhiệm hình sự “ (responsabilité pénale) , tùy theo tình trạng nặng nhẹ của lỗi có khi áp dụng loại trách nhiệm này , có khi áp dụng loại trách nhiệm kia .

Theo lịch sử Phạm Tội Học , bốn giai đoạn được phân biệt về sự trừng phạt của xã hội đối với người phạm tội , gồm có : - chế độ tư nhân phục cừu - chế độ thực kim - chế độ thuần túy hình sự và cuối cùng có sự phân biệt rõ ràng một bên là khoản bồi thường dân sự và một bên là hình phạt hình sự .

Qua ý niệm trên , có thể thấy rằng tùy theo chính sách hình sự của mỗi quốc gia mà hình thức trừng phạt người phạm tội khác nhau . Dù hình thức tân kỳ như cải huấn phạm nhân hiện nay hay hình thức trả thù trong xã hội cổ xưa thì ở đâu cũng mang

màu sắc trừng phạt những cá nhân đã vi phạm quyền lợi của cộng đồng, gây phương hại đến trật tự công cộng.

Ở Đông phương, hai hình thức “ Nhân Trị ” của Khổng Mạnh và “ Pháp Trị ” của phái Pháp Gia đã lần lượt chi phối các chính sách hình sự tại đây. Tùy theo quan niệm của các triều đại, tùy theo hoàn cảnh tao loạn của quốc gia, các chính quyền quân chủ xưa đã áp dụng một chính sách trừng trị khắc nghiệt, mục đích gây sự khiếp sợ để phạm nhân không dám tái phạm và cũng nhằm răn đe những người khác.

Cũng có triều đại áp dụng phương châm Nhân Trị, lấy đạo đức lễ nghĩa để cảm hoá. Những hình phạt đáng làm khuôn mẫu cho nền cải huấn tội nhân hiện nay, ví dụ như hình phạt “ Gia Thạch ” có nghĩa là tảng đá tại gia, phạm nhân mỗi ngày phải để ra vài giờ nhìn vào tảng đá đầy vân sắc đều đặn, phạm nhân sẽ tự cảm thấy tội lỗi của mình vì đã làm xáo trộn xã hội, để từ đó ăn năn hối cải. Để thay cho tội “ Trảm ” (chém. đầu) tội nhân phải mặc áo không có cổ áo, khi mặc như vậy chính tội nhân và mọi người đều biết là y đã phạm tội và bị xử chém điều này làm cho tội nhân ngày đêm tâm niệm cải tà qui chánh, (xin xem thêm Cổ Luật Việt Nam của GS Vũ Văn Mẫu. Đây là một tuyệt tác của văn chương Luật Học Việt Nam, các môn sinh xin tri ân giáo sư).

Sự thực, danh từ “ cải huấn ” (Rééducation) chỉ được phương Tây dùng từ giữa thế kỷ 19 và ở Việt Nam từ thập niên 40. Vấn đề căn bản của việc cải huấn phạm nhân là làm thế nào để biến phạm nhân thành lương dân. Trọng tâm của chính sách cải huấn là bằng mọi cách giúp người phạm tội hồi tâm, để sau ngày

mãn án họ có thể hội nhập vào xã hội , tiếp tục cuộc sống bình thường của một công dân lương thiện . Nói chung , phần nào chính sách hình sự hiện nay đã quay lại với “ chủ nghĩa nhân trị “ nhưng chắc chắn vấn đề không còn đơn giản .

Chính sách cải huấn phạm nhân cũng chứng minh quan niệm trừng phạt khắc nghiệt người phạm lỗi đã phần nào làm gia tăng tội phạm trong xã hội. Do đó , chính sách hình sự phải đặt căn bản ngăn ngừa tội phạm hơn là trừng phạt , vì tâm lý kẻ gây án trước khi hành sự là tự hỏi việc phạm pháp liệu có bị phát giác , có bị bắt hay không , chứ hình phạt không phải là điều phạm nhân đắn đo , cân nhắc trước khi hành động .

Như vậy , muốn có một chính sách cải huấn phạm nhân thuận lợi , thì chính sách hình sự và kế hoạch cải huấn can phạm phải phù hợp với nhau . Sự tiến bộ và nhân bản trong vấn đề này là điều kiện cần và đủ để giảm bớt sự phạm pháp , giảm bớt sự tái phạm và xã hội chỉ còn biện pháp mạnh đối với các thành phần không hoán cải được .

Thiết tưởng cũng nên đề cập đến một vấn đề mà từ trước đến nay đã làm trở ngại khá nhiều cho việc cải huấn phạm nhân . Đó là sự nghi kỵ , ác cảm của số đông dân chúng đối với can nhân mãn án . Tâm lý người dân lương thiện thường ác cảm với kẻ vừa ra khỏi tù , làm cho người mãn án cảm thấy mình bị hất hủi , ruồng bỏ , làm cho phạm nhân càng dễ hận đời , rất dễ trở lại con đường phạm pháp .

Việc ác cảm , nghi kỵ đối với phạm nhân mãn án còn có ở cấp chính quyền . Nếu ai đã từng đi xin việc chắc hẳn đều biết , hồ sơ không thể thiếu giấy tư pháp lý lịch số 3 (trước năm 1975)

và nay là sự chứng nhận không tiền án tiền sự tại tờ khai lý lịch và ở Mỹ đơn xin việc nào cũng có một ô với câu hỏi : bạn đã có dính dấp đến cảnh sát lần nào chưa , nếu trả lời có thì kể ra ... Bởi vậy , nếu giấy này không được “ trắng ” thì chuyện xin đi làm phải xem là điều ảo mộng !

Tình trạng ấy tạo nên vòng lẩn quẩn : cải huấn thì muốn hoàn lương can phạm , muốn biến can nhân thành lương dân , xã hội thì xa lánh ruồng bỏ khiến can nhân phải trở lại con đường bất chính . Vì vậy , một quan niệm mới về chính sách hình sự dùng làm căn bản cho công việc cải huấn là : đối với các can nhân sau khi đã thụ hình xã hội hãy quên đi quá khứ xấu của họ - hơn nữa họ cũng đã chuộc lỗi bằng bản án tương xứng .

Muốn thực hiện điều này , luật pháp cần minh thị : không được buộc một cá nhân phải xuất trình giấy chứng nhận không can án khi giao dịch hay xin việc làm . Như vậy , ngoài các trung tâm cải huấn thì mọi công dân ai cũng như ai , ai cũng được xem là lương thiện , không có sự phân biệt giữa công dân “ sạch ” và công dân “ có vết ” . Được như vậy thì may ra mới dễ hội nhập những công nhân đã mãn án vào xã hội một cách bình thường . Khi đạt được điều này , vấn đề phạm pháp hoặc tái phạm chắc chắn sẽ hạ giảm .

Tại Hoa Kỳ vấn đề tội phạm là một trong những vấn đề gay go mà giới chức cầm quyền cũng như các hội đoàn liên hệ muốn giải quyết nhưng phải nói là chưa bao giờ thành công . Diễn trình : thu nhập điều tra tội phạm - bắt giữ , xét xử - giam giữ cải huấn - phóng thích và theo dõi - lập hồ sơ lưu trữ . Tiến trình này đã được giới chức và cơ quan thẩm quyền xúc tiến một cách khoa

học với nhiều chuyên viên và kỹ thuật tân kỳ hỗ trợ . Kết quả rất thành công về phương diện quản trị nhưng về mặt hạ giảm tội phạm trong xã hội thì có thể nói chưa có gì để lạc quan .

Tội phạm tại Mỹ gia tăng từ 1.9 đến 2% mỗi năm , tổng số tù nhân cả nước (liên bang và tiểu bang) đến nay đã lên đến 2.5 triệu trên dân số 300 triệu (lấy số tròn) , như vậy cứ 140 người dân Mỹ thì có 1 người ở tù !

Bởi vậy Hoa Kỳ là quốc gia có nhiều tù nhân nhất kể đến là Anh - Trung Cộng - Nhật và Nigeria . Người ta bảo Hoa Kỳ là một quốc gia “ LẠM PHÁT TỘI PHẠM “ vì có quá nhiều qui định tội danh để xét xử người dân về mọi phương diện . Ngoài ra cũng vì sự gia tăng tội phạm mà một số chính sách cứng rắn về hình sự được ban hành trong thập niên 80 , đó là :

- Án tù bắt buộc với tội phạm ma túy .
- Trừng phạt nặng nề đối với kẻ tái phạm .
- Giới hạn chặt chẽ hơn việc phóng thích trước thời hạn .

Các biện pháp này tuy thích ứng để ngăn ngừa tội phạm nhưng không phải là cách thức hữu hiệu để hạ giảm tội phạm trong xã hội .

Trong bài này , người viết không đề cập đến chế độ lao tù Cộng Sản mặc dù lao tù CS là một lãnh vực được rất nhiều người nói đến , vì Cộng Sản là một “ chế độ vô luân “ trong việc cải huấn phạm nhân , một “ quái thai chính trị “ của loài người không đáng được đề cập .

Tôn giáo ra đời cách đây vài ngàn năm , người ta làm tượng tôn giáo sẽ là cứu cánh và phương tiện giúp cho loài người sống lương thiện hơn hòa bình hơn . Nhưng không , con người ngày càng giết nhau tồi tệ , dã man , bóc lột nhau một cách đê tiện và tinh vi hơn . Rốt cuộc tôn giáo chỉ còn là một cách thức để thỏa mãn các lý luận phức tạp cao siêu của lãnh vực triết lý hữu thần , nội việc tô vẽ một chốn thiên đàng và một nơi địa ngục để câu rêu hù dọa mọi người cũng đủ thấy bản chất của tôn giáo là thế nào ! Cuối cùng tôn giáo chỉ “ sống còn “ với những kẻ không tin vào chính bản thân mình và đầu óc đầy những mơ mộng viễn vông , hiển nhiên nơi đây không phải là chỗ tập trung những người thức tỉnh !

Sự xáo trộn xã hội gây ra bởi các tội phạm phát xuất từ hành động của con người ở trong hai phạm trù : MUỐN CÓ THỂ (LÀM) - MÀ KHÔNG DÁM (LÀM) và MUỐN - KHÔNG THỂ (LÀM) MÀ DÁM (LÀM) .

Sự mong muốn , thích thú làm một sự việc nhưng vì một vài phương diện (chức vụ , địa vị xã hội , tôn giáo . . .) đã ngăn cản sự thực hiện từ đó sinh ra mọi ấn ức sinh lý , tinh thần tạo ra những quyết định lầm lạc mâu thuẫn có khi đưa cả một quốc gia hay cả một khu vực thế giới vào những cuộc chiến tranh phi lý về quân sự chính trị kinh tế gây ra nhiều tang tóc tổn hại cho con người , đó là đối với những người có chức vụ quyền thế . Riêng đối với những người bình thường thì hành động của họ có thể gây tác hại cho gia đình , giòng họ hoặc cho xã hội .

Còn vấn đề muốn - không thể làm mà cứ hành động thì hậu quả là tội phạm gia tăng , xã hội xáo trộn và hiển nhiên là nhà tù cứ

phải xây thêm mãi . Một vấn đề cần lưu ý là hành động kể trên phải là việc phi nhân bản , trái với các nguyên tắc chung của cộng đồng , vô đạo đức và cố áp đặt điều mà mọi người phản đối bất mãn .

Bởi vậy xã hội sẽ bình yên hơn , ít tội phạm hơn khi con người muốn nếu có thể làm thì cứ làm , còn nếu muốn mà không thể làm (vi phạm luật pháp , vi phạm đạo đức - luân lý ...) thì đừng làm .

Nguyên tắc này nghe ra thật đơn giản nhưng nếu áp dụng vào thực tế phải nói là không dễ dàng !

PHAN NGHĨA .